

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV) theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty chuyển sang mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000323 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 23/12/2010.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh lần đầu là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Đào Minh Tiến	Chủ tịch
	Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên
	Ông Trần Thanh Lâm	Ủy viên
	Ông Hồ Minh Toàn	Ủy viên
	Ông Trần Thanh Kiều	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
	Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc
	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Tùng

Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Số: 271/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 39 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo tính toán của Kiểm toán viên khoản dự phòng cần được trích lập thêm là 5,8 tỷ đồng. Nếu khoản dự phòng này được trích lập thì khoản mục Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn tăng lên, và lợi nhuận trước thuế tại ngày này giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Phú Hà
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0389/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Trần Thanh Đăng Sơn
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1542/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		144.264.256.233	120.475.175.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.154.756.734	30.994.295.685
1. Tiền	111		3.549.054.592	5.944.801.865
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.605.702.142	25.049.493.820
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.049.200.000	26.549.200.000
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121	5.2	27.049.200.000	26.549.200.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.954.881.120	33.240.298.748
1. Phải thu của khách hàng	131		17.878.656.822	30.572.060.127
2. Trả trước cho người bán	132		11.974.191.825	3.514.348.206
5. Các khoản phải thu khác	135		5.403.986.547	469.801.792
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.301.954.074)	(1.315.911.377)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	59.596.375.568	27.304.664.212
1. Hàng tồn kho	141		59.596.375.568	27.304.664.212
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.509.042.811	2.386.717.247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.766.797	582.669.222
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		167.747.531	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.230.528.483	1.804.048.025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		362.178.576.308	351.356.190.427
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		165.227.000	145.721.000
II. Tài sản cố định	220		333.667.713.011	322.868.533.290
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	43.875.067.930	34.326.794.333
- Nguyên giá	222		82.218.881.548	69.538.118.292
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.343.813.618)	(35.211.323.959)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	254.344.040.367	133.361.441.617
- Nguyên giá	228		267.066.771.570	143.815.220.588
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.722.731.203)	(10.453.778.971)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	35.448.604.714	155.180.297.340
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	3.624.966.000	3.624.966.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	2.778.116.000	2.778.116.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	846.850.000	846.850.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.720.670.297	24.716.970.137
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	24.720.670.297	24.716.970.137
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		506.442.832.541	471.831.366.319

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		447.234.509.606	414.874.917.853
I. Nợ ngắn hạn	310		131.666.089.838	141.600.604.379
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	67.636.501.770	82.813.115.211
2. Phải trả người bán	312		22.493.363.946	19.038.813.657
3. Người mua trả tiền trước	313		20.293.521.769	1.636.940.255
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.031.287.346	3.646.410.410
5. Phải trả người lao động	315		1.067.330.495	1.674.436.742
6. Chi phí phải trả	316	5.11	8.335.167.061	3.480.308.727
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	10.765.454.976	29.261.481.698
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		43.462.475	49.097.679
II. Nợ dài hạn	330		315.568.419.768	273.274.313.474
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	-	15.500.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	14.210.122.700	19.548.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	53.027.396
7. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.15	301.358.297.068	238.173.286.078
B. NGUỒN VỐN	400		59.208.322.935	56.956.448.466
(400= 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	59.208.322.935	56.956.448.466
1. Vốn điều lệ	411		50.000.000.000	50.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.492.110.937	2.161.029.526
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.176.984.992	945.228.004
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.539.227.006	3.850.190.936
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		506.442.832.541	471.831.366.319

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đv	31/12/2012	01/01/2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	3.543.310.578	3.543.310.578
5. Ngoại tệ các loại	USD	1.434,95	51.110,92
- Đô la Mỹ			

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Dũng

Vùng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2013



Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		165.183.383.116	85.344.441.964
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	5.17	165.183.383.116	85.344.441.964
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	5.18	151.167.359.683	74.075.951.282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.016.023.433	11.268.490.682
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	6.605.794.363	4.320.585.037
7. Chi phí tài chính	22	5.20	6.867.269.311	5.739.543.041
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.704.698.661	5.739.543.041
8. Chi phí bán hàng	24		2.132.714.912	2.437.324.159
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.068.805.253	4.170.753.687
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-24}	30		2.553.028.320	3.241.454.832
11. Thu nhập khác	31	5.21	2.959.800.527	749.813.476
12. Chi phí khác	32	5.21	351.797.988	249.229.046
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.608.002.539	500.584.430
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.161.030.859	3.742.039.262
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.22	65.115.685	154.112.577
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.095.915.174	3.587.926.685
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.019	718

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Dũng

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2013



Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.161.030.859	3.742.039.262
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.517.857.609	6.667.468.307
- Các khoản dự phòng	03	(13.957.303)	129.929.420
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	56.097.487	(192.608.746)
- Chi phí lãi vay	06	6.704.698.661	5.739.543.041
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.425.727.313	16.086.371.284
- Biến động các khoản phải thu	09	(421.784.527)	(628.036.459)
- Biến động hàng tồn kho	10	(32.291.711.356)	(7.059.306.395)
- Biến động các khoản phải trả	11	52.960.446.397	90.133.626.738
- Biến động chi phí trả trước	12	667.809.784	(3.168.747.619)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(13.642.638.808)	(21.077.151.282)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(386.975.795)	(410.453.681)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(171.175.909)	(450.027.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.139.697.099	73.426.275.586
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.538.129.189)	(20.204.685.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản khác	22	-	359.354.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	(1.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.038.129.189)	(21.445.331.055)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	194.765.912.069	59.260.720.924
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(215.280.402.810)	(82.029.865.922)
6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.426.616.120)	(3.594.958.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.941.106.861)	(26.364.103.898)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.839.538.951)	25.616.840.633
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.994.295.685	5.377.455.052
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	22.154.756.734	30.994.295.685

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Dũng

Giám đốc



Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV) theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty chuyển sang mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000323 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29/12/2006, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 23/12/2010.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Sở hữu vốn:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Tổng Công ty IDICO	4.368.700	43.687.000.000	87,37%
Các cổ đông khác	631.300	6.313.000.000	12,63%
Cộng	5.000.000	50.000.000.000	100 %

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lao động bình quân trong năm là: 147 người (Năm 2011 là: 220 người)

1.2. Các đơn vị trực thuộc Công ty

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO - Xí nghiệp xây dựng Idico Conac được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 207/QĐ-CT ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 3500101298-025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 8 năm 2011.

Địa chỉ: Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO - Xí nghiệp Du lịch Thương mại Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 27/QĐ-CT ngày 8 tháng 1 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 3500101298-021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 30 tháng 8 năm 2011.

Địa chỉ: Số 4, đường Thùy Vân, Phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.2. Các đơn vị trực thuộc Công ty (tiếp theo)

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO - Nhà máy vật liệu xây dựng Phú Mỹ được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 26/QĐ-CT ngày 8 tháng 1 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 3500101298-022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 1 tháng 3 năm 2011.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nhà máy vật liệu xây dựng Phú Mỹ được sát nhập vào Xí nghiệp Xây dựng IDICO-CONAC theo Quyết định số 122/QĐ-CT ngày 25/5/2012 kể từ ngày 1/6/2012.

4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 298/QĐ-CT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 3500101298-026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12 tháng 4 năm 2012.

Địa chỉ: số 472 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - Xí nghiệp tư vấn thiết kế xây dựng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 170/QĐ-CT ngày 30 tháng 10 năm 2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 3500101298-024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 1 năm 2012.

Địa chỉ: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, bưu chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cầu cảng để bán, cho thuê mua;
- Đầu tư xây dựng - khai thác - chuyển giao (BOT) các dự án đường bộ, cầu cống;
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí;
- Kinh doanh vận tải, xăng, dầu, nhớt, nước, điện;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho công nghiệp xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp;
- Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Mua bán vật liệu xây dựng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng – công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo thông tư 203/2009/TT-BTC, theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo thời gian được giao đất.

Theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất từ 41 năm lên 55 năm, kể từ ngày 9 tháng 10 năm 2007 (ngày Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí Idico nhận bàn giao doanh nghiệp Công ty Xây dựng Dầu khí từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp - TNHH MTV) liên quan đến Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Conac được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

310
Y
NH
ÁN
M
HÀ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm 2012, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay tổng cộng là 6.738.332.628 đồng vào tài sản dở dang của Công ty. Đây là chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay nhằm đầu tư Dự án xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, Dự án 326 Nguyễn An Ninh, Dự án Mỏ vật liệu xây dựng, và các dự án đầu tư xây dựng cơ bản khác của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoạt động sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, hoạt động cho thuê Khu công nghiệp và hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng; và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.940.425.639	1.816.931.677
Tiền gửi ngân hàng	1.608.628.953	4.127.870.188
Các khoản tương đương tiền	18.605.702.142	25.049.493.820
Tổng	22.154.756.734	30.994.295.685

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm các khoản tiền gửi kỳ hạn bằng Việt Nam Đồng tại các ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 3 tháng và lãi suất 9%/ năm.

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn				
1. Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	2.494.200	24.949.200.000	2.494.200	24.949.200.000
2. Công ty CP Thủy điện Srok Phumieng	100.000	1.100.000.000	100.000	1.100.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		1.000.000.000	-	500.000.000
Tổng	2.594.200	27.049.200.000	2.594.200	26.549.200.000

Khoản đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm khoản tiền gửi kỳ hạn bằng Việt Nam đồng tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có kỳ hạn 12 tháng và lãi suất 11,5%/năm.

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.822.442	1.635.184.283
Công cụ, dụng cụ	-	15.081.262
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.651.362.938	22.414.465.030
Thành phẩm	-	3.010.169.407
Hàng hoá	894.190.188	201.235.188
Hàng gửi đi bán	-	28.529.042
Tổng	59.596.375.568	27.304.664.212

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2012	53.222.489.125	11.607.519.155	2.736.346.684	601.406.429	1.370.356.899	69.538.118.292
Tăng trong năm	11.122.922.284	132.072.722	2.426.781.455	-	171.500.000	13.853.276.461
Mua trong năm	-	132.072.722	2.426.781.455	-	171.500.000	2.730.354.177
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.122.922.284	-	-	-	-	11.122.922.284
Giảm trong năm	-	679.991.936	455.021.269	-	37.500.000	1.172.513.205
Thanh lý, nhượng bán	-	679.991.936	455.021.269	-	37.500.000	1.172.513.205
Số dư tại 31/12/2012	64.345.411.409	11.059.599.941	4.708.106.870	601.406.429	1.504.356.899	82.218.881.548
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	23.002.085.615	9.061.369.600	1.560.821.837	459.459.609	1.127.587.298	35.211.323.959
Tăng trong năm	3.009.101.770	638.505.968	347.934.723	44.978.728	208.384.188	4.248.905.377
Khấu hao trong năm	3.009.101.770	638.505.968	347.934.723	44.978.728	208.384.188	4.248.905.377
Giảm trong năm	-	679.991.936	412.205.032	-	24.218.750	1.116.415.718
Thanh lý, nhượng bán	-	679.991.936	412.205.032	-	24.218.750	1.116.415.718
Số dư tại 31/12/2012	26.011.187.385	9.019.883.632	1.496.551.528	504.438.337	1.311.752.736	38.343.813.618
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	30.220.403.510	2.546.149.555	1.175.524.847	141.946.820	242.769.601	34.326.794.333
Tại 31/12/2012	38.334.224.024	2.039.716.309	3.211.555.342	96.968.092	192.604.163	43.875.067.930

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.736.550.322 đồng (tại 31/12/2011: 6.639.313.142 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2012 đã đem đi cầm cố thế chấp vay là 151.980.858.883 đồng (tại 31/12/2011: 64.986.550.951 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn (326 Nguyễn An Ninh)	Quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm (Long Hải, Long Điền)	Tài sản vô hình khác (CP đền bù, GPMB quyết toán giai đoạn 1)	Tài sản vô hình khác (CP đền bù, GPMB tạm tăng giai đoạn 2)	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	51.041.600.000	226.997.454	28.046.715.293	64.499.907.841	143.815.220.588
Tăng trong năm	-	-	-	123.251.550.982	123.251.550.982
Xây dựng cơ bản hoàn thành				123.251.550.982	123.251.550.982
Số dư tại 31/12/2012	51.041.600.000	226.997.454	28.046.715.293	187.751.458.823	267.066.771.570
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	-	-	5.731.593.192	4.722.185.779	10.453.778.971
Tăng trong năm	-	43.091.042	437.551.413	1.788.309.777	2.268.952.232
Khấu hao trong năm		43.091.042	437.551.413	1.788.309.777	2.268.952.232
Số dư tại 31/12/2012	-	43.091.042	6.169.144.605	6.510.495.556	12.722.731.203
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	51.041.600.000	226.997.454	22.315.122.101	59.777.722.062	133.361.441.617
Tại 31/12/2012	51.041.600.000	183.906.412	21.877.570.688	181.240.963.267	254.344.040.367

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	155.180.297.340	121.303.438.098
Tăng	14.546.107.640	35.886.651.134
Kết chuyển sang TSCĐ	134.277.800.266	2.007.875.262
Điều chỉnh	-	1.916.630
Tại ngày 31 tháng 12	35.448.604.714	155.180.297.340

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án Khu công nghiệp Mỹ xuân B1	2.561.332.752	127.155.892.597
Dự án khu cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	22.673.769.533	19.369.642.428
Dự án khu nhà ở CB, CNV và chuyên gia 10,5ha	136.154.636	136.154.636
Dự án đầu tư bãi tắm Long Hải	1.215.368.782	887.378.928
Dự án KCN - đô thị Châu Đức 2	22.113.982	22.113.982
Dự án Khách sạn 4 sao Thùy Dương Hotel	116.183.634	116.183.634
Dự án BT đường Thủ Thừa - Long An	190.239.000	190.239.000
Dự án mỏ vật liệu xây dựng (mỏ Puzolan)	5.556.432.383	4.478.692.221
Dự án dây chuyền 2 NMVLXD Phú Mỹ	982.417.696	982.417.696
Dự án thủy điện Bình Liêu - Quảng Ninh	112.727.273	112.727.273
Dự án cụm công nghiệp Tam Phước 2	1.881.865.043	1.728.854.945
Tổng	35.448.604.714	155.180.297.340



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	2.778.116.000	2.778.116.000
Đầu tư dài hạn khác	846.850.000	846.850.000
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	<i>846.850.000</i>	<i>846.850.000</i>
Tổng	3.624.966.000	3.624.966.000

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
<i>Liên doanh LESCO RESORT</i>		2.778.116.000		2.778.116.000
Đầu tư dài hạn khác				
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	84.685	846.850.000	84.685	846.850.000
1) Công ty LAMA - IDICO	48.685	486.850.000	48.685	486.850.000
2) Nhà máy thủy điện Bình Liêu	36.000	360.000.000	36.000	360.000.000
Tổng	84.685	3.624.966.000	84.685	3.624.966.000

Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị cam kết góp vốn	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/2012)	Tỷ lệ đã góp	Ngành nghề kinh doanh
1 Liên doanh LESCO RESORT	6.947.498.272	2.778.116.000	40%	2.778.116.000	40%	Du lịch khách sạn
Tổng	6.947.498.272	2.778.116.000	40%	2.778.116.000	40%	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá khoản đầu tư này và không có giảm giá. Do vậy Công ty không trích dự phòng giảm giá khoản đầu tư này.

5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	24.716.970.137	21.662.250.105
Tăng	3.127.573.495	5.146.176.499
Phân bổ vào chi phí trong năm	3.123.873.335	2.091.456.467
Tại ngày 31 tháng 12	24.720.670.297	24.716.970.137

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí đầu tư khai thác mỏ sét	21.185.627.326	20.816.684.635
Công cụ dụng cụ	1.736.501.290	1.473.321.197
Chi phí thiết kế Website Công ty	8.850.000	20.650.000
Phí sử dụng thương hiệu "IDICO"	833.333.331	1.166.666.665
Phí tư vấn ISO	41.999.998	60.666.665
Chi phí sửa chữa Khách sạn Long Hải	-	103.120.475
Chi phí sửa chữa Khách sạn Thùy Dương	198.330.686	512.162.490
Chi phí trả trước dài hạn khác	716.027.666	563.698.010
Tổng	24.720.670.297	24.716.970.137

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.9 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	52.691.501.770	62.552.950.708
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.945.000.000	20.260.164.503
Tổng	67.636.501.770	82.813.115.211

Chi tiết vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1. Vay tổ chức tín dụng	52.691.501.770	62.552.950.708
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51.344.138.830	57.616.206.596
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ	397.362.940	4.936.744.112
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh HCM	950.000.000	-
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	14.945.000.000	20.260.164.503
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	3.700.000.000	8.497.692.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng	10.500.000.000	11.762.472.503
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	745.000.000	-
Tổng	67.636.501.770	82.813.115.211

- Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 10/04/2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 60.000.000.000 VND và đáo hạn vào ngày 31 tháng 3 năm 2013. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được chế chấp tài sản với tổng giá trị định giá là 141.010.000.000 đồng và chịu lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Kỳ hạn trả lãi được xác định tại hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Vay ngắn hạn của Chi nhánh Phú Mỹ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/611435/HĐ ngày 12/09/2011. Trị giá hạn mức vay: 8.500.000.000 đồng với thời hạn vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Và được sửa đổi bổ sung ngày 01/11/2011 về hạn mức tối đa là 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Bảo đảm tiền vay: theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp số 01/08/09/611435 ký ngày 15/07/2009. Số dư khoản vay tại 31/12/2012 là: 397.362.940 đồng.
- Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 17/2012/HĐTD ngày 25/04/2012. Trị giá hạn mức vay: vay và cấp bảo lãnh thường xuyên theo hạn mức với tổng dư nợ và tổng số dư bảo lãnh không vượt quá 950.000.000 đồng với thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động từ Hợp đồng tiền gửi của Công ty gửi tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể cộng với biên độ 4%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/ lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0703/DVKH-VRBHCM ngày 07/03/2012 với số tiền đảm bảo: 1.000.000.000 đồng. Số dư khoản vay tại 31/12/2012 là: 950.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.013.856.637	3.482.633.806
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	154.112.579
Thuế thu nhập cá nhân	17.430.709	9.664.025
Tổng	1.031.287.346	3.646.410.410

5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công trình Nhà máy sản xuất thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm tại Khu công nghiệp Phú Mỹ	231.723.112	811.127.808
Công trình Đường số 5	415.281.945	-
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1		
Công trình Đường số 4 nối dài	369.198.638	-
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A		
Công trình Mở rộng quốc lộ 51	4.533.873.285	1.146.600.648
Công trình Trường THCS Tăng Bạt Hổ	58.818.919	-
Công trình đường N2 kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè	146.732.881	-
Công trình thảm nhựa Km 54+000 - Km 56+000	2.449.247.372	-
Công trình 14 căn liên kế khu dân cư Tam An - Sonadezi	-	60.435.962
Công trình Nhà máy gỗ Tân Mai	130.290.909	130.290.909
Công trình Hương lộ 60	-	1.241.470.542
Công trình Sửa chữa chi phí Ban Quản lý Mỹ Xuân B1	-	90.382.858
Tổng	8.335.167.061	3.480.308.727

5.12 PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn	188.835.079	210.064.610
CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	-	539.864.092
Cty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	1.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) -TNHH MTV	7.441.395.147	25.367.302.543
Ban bồi thường GPMB huyện Tân Thành	276.763.943	1.071.763.943
Lê Đức Hiện	800.000.000	800.000.000
Đinh Văn Hoa	20.000.000	-
Chi trả cổ tức cổ phiếu	262.358.380	188.974.500
Tập đoàn MiGao	-	578.044.900
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO6	37.000.000	37.000.000
Nguyễn Thành Thơ - XNXLN	77.154.000	77.154.000
Vay đối tượng khác	204.761.525	204.761.525
Phải trả khác	457.186.902	186.551.585
Tổng	10.765.454.976	29.261.481.698

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.13 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	-	13.000.000.000
Công ty TNHH Đại Dương	-	2.500.000.000
Tổng	-	15.500.000.000

5.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	9.955.122.700	4.050.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Đồng Đăng Nai	-	15.498.000.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	4.255.000.000	-
Tổng	14.210.122.700	19.548.000.000

- Công ty vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng Tín Dụng Trung hạn số 01/2012/HĐTDTH/IDICO ngày 22/11/2012. Trị giá hạn mức vay: 42.000.000.000 đồng với thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận món vay đầu tiên. Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Conac. Lãi suất cho vay: 14,5%/năm (lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 quý/1 lần vào ngày 01 của các tháng đầu quý), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo theo tất cả các Hợp đồng thế chấp tài sản đã và sẽ ký kết giữa 2 bên. Số dư khoản vay tại 31/12/2012 là: 11.105.122.700 đồng
- Công ty vay dài hạn của Chi nhánh Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 03.XĐK/2010/HĐ ngày 17 tháng 03 năm 2010. Trị giá hợp đồng vay: 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất vay: 15%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng/lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng. Mục đích vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư dự án Mỏ sét Mỹ Xuân 2. Đảm bảo tiền vay: Thế chấp một phần tài sản trị giá 12.500.000.000 đồng trong tổng trị giá tài sản đang thế chấp tại ngân hàng là 115.460.000.000 đồng. Kỳ hạn trả nợ gốc theo mỗi quý, bắt đầu từ quý I/2011 với mức trả nợ 4 quý đầu tiên là 1.000.000.000 đồng, các quý còn lại là 750.000.000 đồng. Số dư tại ngày 31/12/2012 là: 1.500.000.000 đồng và số này sẽ được hoàn trả trong năm 2013.
- Công ty vay dài hạn của Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2009/HĐ ngày 17/07/2009. Trị giá hợp đồng vay: 3.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay bằng 0,875%/tháng, thay đổi 6 tháng một lần. Mục đích vay: đầu tư sửa chữa khách sạn Thùy Dương và cải tạo, nâng cấp 3 villa khách sạn Long Hải. Số dư tại ngày 31/12/2012 là 700.000.000 đồng và số này sẽ được hoàn trả trong năm 2013.
- Công ty vay dài hạn của Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam, Đồng Đăng Nai theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐTD ngày 21 tháng 01 năm 2009 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐTD ngày 28/2/2011. Trị giá hợp đồng vay: 26.499.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay: 6 tháng đầu tiên áp dụng lãi suất 11.5%/năm, 6 tháng điều chỉnh 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Đồng Đăng Nai thông báo cộng với mức phí 3.5%/năm. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Mỹ Xuân B1 giai đoạn 2 - Đợt 2. Đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Bên vay là toàn bộ KCN Mỹ Xuân B1 và quyền đòi nợ từ các hợp đồng cho thuê đất. Kỳ hạn trả nợ vào ngày 28 từng quý. Số dư tại ngày 31/12/2012 là: 10.500.000.000 đồng và số này sẽ được hoàn trả trong năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 VAY DÀI HẠN (Tiếp theo)

5. Công ty vay dài hạn của Quỹ bảo vệ Môi trường Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 11-12/TD-QMT/IDICO ngày 17/08/2012. Trị giá Hợp đồng vay: 10.000.000.000 đồng với thời hạn vay: 84 tháng tính từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Mục đích vay: Vốn vay để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân B1, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu". Lãi suất cho vay: 5,4%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn vay. Bảo đảm tiền vay: khoản vay này được đảm bảo bằng Bảo lãnh của Ngân hàng. Kỳ hạn trả lãi được quy định cụ thể trong Phụ lục Hợp đồng số 02/11-12/TD-QMT/IDICO. Số dư khoản vay tại 31/12/2012 là: 5.000.000.000 đồng

5.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện tiền nhận trước từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	238.173.286.078	155.545.090.110
Tăng	117.198.881.220	89.759.741.645
Ghi nhận vào doanh thu thực hiện trong năm	54.013.870.230	7.131.545.677
Tại ngày 31 tháng 12	301.358.297.068	238.173.286.078

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Điệp	-	1.160.303
Công ty TNHH May Thiên Kim	21.187.953.239	22.946.284.267
Công ty TNHH Công nghiệp nặng VINA-HALLA	84.149.820.524	86.530.162.528
Công ty Cổ phần thép QUATRON	36.421.976.991	37.433.874.167
Công ty TNHH Dobla Châu á	10.794.043.399	11.098.856.011
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt Nam	95.973.151.655	80.162.948.802
Công ty TNHH EWIC Việt Nam	9.975.787.824	-
Công ty TNHH Twinkle Việt Nam	32.197.291.830	-
DP System Inc	3.892.698.246	-
Công ty TNHH COURT Việt Nam	6.765.573.360	-
Tổng	301.358.297.068	238.173.286.078



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	50.000.000.000	1.532.625.226	621.442.715	5.163.687.947	57.317.755.888
Tăng trong năm	-	628.404.300	323.785.289	3.587.926.685	4.540.116.274
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.587.926.685	3.587.926.685
Phân phối lợi nhuận 2010	-	462.550.413	323.785.289	-	786.335.702
Tăng khác	-	165.853.887	-	-	165.853.887
Giảm trong năm	-	-	-	4.901.423.696	4.901.423.696
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	462.550.413	462.550.413
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	323.785.289	323.785.289
Trích quỹ KT và Phúc lợi	-	-	-	231.275.207	231.275.207
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	3.594.958.900	3.594.958.900
Giảm khác	-	-	-	288.853.887	288.853.887
Số dư tại 31/12/2011	50.000.000.000	2.161.029.526	945.228.004	3.850.190.936	56.956.448.466
Số dư tại 01/01/2012	50.000.000.000	2.161.029.526	945.228.004	3.850.190.936	56.956.448.466
Tăng trong năm	-	331.081.411	231.756.988	5.095.915.174	5.658.753.573
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.095.915.174	5.095.915.174
Phân phối lợi nhuận 2011	-	331.081.411	231.756.988	-	562.838.399
Giảm trong năm	-	-	-	3.406.879.104	3.406.879.104
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	331.081.411	331.081.411
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	231.756.988	231.756.988
Trích quỹ KT và Phúc lợi	-	-	-	165.540.705	165.540.705
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Giảm khác	-	-	-	178.500.000	178.500.000
Số dư tại 31/12/2012	50.000.000.000	2.492.110.937	1.176.984.992	5.539.227.006	59.208.322.935

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn góp thực tế
	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2012
	CP	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển				
1 Đô thị và Khu công nghiệp	4.368.700	43.687.000.000	87,37	43.687.000.000
Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV				
2 Các cổ đông khác	631.300	6.313.000.000	12,63	6.313.000.000
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100	50.000.000.000

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000/

5.17 DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	12.548.440.103	15.274.948.532
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.344.297.951	17.806.116.986
Doanh thu hợp đồng xây dựng	130.290.645.062	52.263.376.446
Tổng	165.183.383.116	85.344.441.964

5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	12.572.678.739	12.996.305.330
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.212.422.801	11.627.534.508
Giá vốn xây lắp	124.382.258.143	49.452.111.444
Tổng	151.167.359.683	74.075.951.282

5.19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.544.695.586	1.500.560.983
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.935.407.500	2.763.024.054
Doanh thu hoạt động tài chính khác	125.691.277	57.000.000
Tổng	6.605.794.363	4.320.585.037

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.20 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	6.704.698.661	5.739.543.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	99.628.569	-
Phí bảo lãnh	62.942.081	-
Tổng	6.867.269.311	5.739.543.041

5.21 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả	80.000.000	377.002.104
Hoàn nhập chi phí trích trước	332.453.788	-
Thu nhập từ góp vốn đầu tư hạ tầng Đường số 1 - Khu Công nghiệp Mỹ Xuân B1	2.272.727.273	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	136.818.182	359.354.545
Thu nhập khác	137.801.284	13.456.827
Tổng	2.959.800.527	749.813.476
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản	56.097.487	166.745.799
Chi phí phạt chậm nộp thuế	28.237.526	-
Các khoản chi phí khác	267.462.975	82.483.247
Tổng	351.797.988	249.229.046
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	2.608.002.539	500.584.430

5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.161.030.859	3.742.039.262
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	76.690.343	
- <i>Phạt chậm nộp thuế</i>	76.690.343	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	3.935.407.500	
- <i>Cổ tức được nhận</i>	3.935.407.500	659.787.714
Thu nhập chịu thuế	1.302.313.702	3.082.251.548
<i>Thu nhập từ hoạt động SXKD</i>	(4.343.910.562)	(919.548.719)
<i>Thu nhập từ hoạt động cho thuê đất</i>	5.646.224.264	4.001.800.267
<i>Thuế suất thuế TNDN phổ thông</i>	25%	25%
<i>Thuế suất thuế TNDN ưu đãi</i>	10%	10%
<i>Tỷ lệ ưu đãi</i>	50%	50%
Thuế TNDN	130.231.370	308.225.155
Thuế TNDN được miễn, giảm trong năm	65.115.685	154.112.577
Chi phí thuế TNDN hiện hành	65.115.685	154.112.577

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000120 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 21 tháng 7 năm 2008, Dự án đầu tư Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Conac tại xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% trong những năm tiếp theo. Dự án được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Hoạt động kinh doanh này có thu nhập chịu thuế từ năm 2004.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động khác ngoài hoạt động cho thuê Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Conac nêu trên.

5.23 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.089.859.334	25.945.702.651
Chi phí nhân công	16.875.605.022	15.107.775.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.902.111.548	6.639.393.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.727.493.614	28.787.326.968
Chi phí khác bằng tiền	4.804.250.501	14.973.354.112
Tổng	155.399.320.019	91.453.553.004

5.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.095.915.174	3.587.926.685
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.095.915.174	3.587.926.685
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.019	718

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Xây lắp; Cho thuê Khu công nghiệp; và lĩnh vực khác (dịch vụ tư vấn thiết kế và kinh doanh du lịch) chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh VLXD	Xây lắp	Cho thuê KCN	Khác	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	7.779.535.543	223.790.482	229.269.704.058	60.946.078.214	298.219.108.297
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.561.332.752	32.887.271.962	35.448.604.714
Các khoản phải thu	2.210.745.264	16.863.480.420	10.630.397.019	4.250.258.417	33.954.881.120
Hàng tồn kho	781.170.104	57.830.120.205	-	985.085.259	59.596.375.568
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	79.223.862.842
Tổng tài sản					506.442.832.541
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	2.500.000.000	48.079.962.110	301.358.297.068	542.090.666	352.480.349.844
Phải trả tiền vay	397.362.940	950.000.000	29.155.122.700	51.344.138.830	81.846.624.470
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	12.907.535.292
Tổng nợ phải trả					447.234.509.606



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh VLXD	Xây lắp	Cho thuê KCN	Khác	Tổng
Tổng doanh thu	12.548.440.103	130.290.645.062	16.651.243.083	5.693.054.868	165.183.383.116
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.041.891.266)	1.009.058.405	5.646.224.264	(405.631.964)	3.207.759.439
Trừ: Chi phí không phân bổ					(1.669.642.322)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					1.538.117.117
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu)					6.605.794.363
Chi phí tài chính (không phân bổ)					(5.590.883.160)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD					2.608.002.539
Lợi nhuận kế toán trước thuế					5.161.030.859
Thuế thu nhập doanh nghiệp					65.115.685
Lợi nhuận trong năm					5.095.915.174

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh VLXD	Xây lắp	Cho thuê KCN	Khác	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	8.748.594.981	116.279.169	98.352.582.855	60.470.778.945	167.688.235.950
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	127.155.892.597	28.024.404.743	155.180.297.340
Các khoản phải thu	4.870.978.952	15.823.241.822	11.095.985.110	1.450.092.864	33.240.298.748
Hàng tồn kho	6.749.559.326	19.046.101.888	-	1.509.002.998	27.304.664.212
Tài sản không thể phân bổ					88.417.870.069
Tổng tài sản					471.831.366.319
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	6.209.833.679	15.376.434.773	238.173.286.078	1.108.189.670	260.867.744.200
Phải trả tiền vay	4.936.744.112	-	27.260.472.503	70.163.898.596	102.361.115.211
Nợ phải trả không phân bổ					51.646.058.442
Tổng nợ phải trả					414.874.917.853

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh VLXD	Xây lắp	Cho thuê KCN	Dịch vụ khác	Tổng
Tổng doanh thu	15.274.948.532	52.263.376.446	10.707.446.873	7.098.670.113	85.344.441.964
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.485.883.761)	377.610.896	4.001.800.267	(405.708.402)	2.487.819.000
Trừ: Chi phí không phân bổ					(341.508.797)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					2.146.310.203
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)					4.320.585.037
Chi phí tài chính (không phân bổ)					(3.225.440.408)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến					500.584.430
Lợi nhuận kế toán trước thuế					3.742.039.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(154.112.577)
Lợi nhuận trong năm					3.587.926.685

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch bán:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Công ty mẹ	Khối lượng xây lắp hoàn thành	6.680.233.996	5.417.920.505
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Bán hàng hóa	28.489.090.909	-
		Cổ tức 2011	3.742.380.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Cổ tức 2011	73.027.500	-
Công ty CP Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Khối lượng xây lắp hoàn thành	14.936.140.083	27.061.639.085
Tổng			53.920.872.488	32.479.559.590

Giao dịch mua:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
Công ty CP Kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Đơn vị cùng Tổng IDICO	CP kiểm định	145.833.808	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Hạch toán bù trừ công nợ	223.516.530	-
		Cung cấp ống cống	730.798.000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Lập dự án, giám sát, CP kiểm định	195.940.961	343.872.000
Tổng			1.296.089.299	343.872.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**Số dư phải trả các bên liên quan:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2012	01/01/2012
	Phải trả - Cổ tức	-	3.871.138.900
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Tạm ứng tiền chuyển nhượng cổ phiếu IDICO - IDI	-	13.623.000.000
	Tạm ứng tiền các công trình xây lắp	4.500.000.000	5.315.948.186
	Phải trả khác	2.941.395.147	2.557.215.457
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Phải trả tiền ứng trước lợi nhuận từ nguồn thu phí	1.049.790.000	539.864.092
Công ty CP Tư vấn đầu tư IDICO	Trả tiền thí nghiệm	8.789.057	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	Trả tiền ống cống	500.410.480	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO	Tiền góp vốn đầu tư dự án 326 Nguyễn An Ninh	1.000.000.000	13.000.000.000
Tổng		10.000.384.684	38.907.166.635

Số dư phải thu các bên liên quan:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2012	01/01/2012
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO	Phải thu tiền thi công xây lắp	610.000.000	610.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư IDICO	Phải thu tiền ứng trước theo hợp đồng	-	74.904.000
Công ty CP Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu	Phải thu tiền thi công xây lắp	753.594.047	8.015.867.955
Cty CP Đầu tư xây dựng và Du lịch IDICO	Phải thu tiền nộp hộ các khoản thuế	129.407.703	129.407.703
Cty CP Đầu tư Xây lắp máy điện nước IDICO	Phải thu khác	-	3.889
Tổng		1.493.001.750	8.830.183.547

Thu nhập cán bộ chủ chốt:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	987.683.648	767.915.791

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.9 và 5.13, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị còn lại tại 31/12/2012	Giá trị còn lại tại 01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.154.756.734	30.994.295.685
Các khoản đầu tư	27.896.050.000	27.396.050.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.980.689.295	29.725.950.542
Tài sản tài chính khác	1.230.528.483	1.804.048.025
Tổng cộng	73.262.024.512	89.920.344.252
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	33.258.818.922	63.800.295.355
Chi phí phải trả	8.335.167.061	3.480.308.727
Khoản vay	81.846.624.470	102.361.115.211
Tổng cộng	123.440.610.453	169.641.719.293

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.



6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, về lãi suất và về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch và số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản đầu tư vào cổ phiếu của công ty IDICO-IDI (Mã chứng khoán HTI niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với giá trị 24.949.200.000 đồng (tương ứng 2.494.200 cổ phiếu) và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Srok phumieng với giá trị 1.100.000.000 đồng (tương ứng 100.000 cổ phiếu). Tại thời điểm 31/12/2012, giá niêm yết của cổ phiếu HTI tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là 7.700 VND/cổ phiếu. Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư tài chính này theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 5.866.656.258 đồng.

Các khoản đầu tư khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Qua đó, Công ty đã tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 1.301.954.074 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, các khoản phải thu đã phản ánh giá trị có thể thu hồi được tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	33.258.818.922	-	33.258.818.922
Chi phí phải trả	8.335.167.061	-	8.335.167.061
Các khoản vay	67.636.501.770	14.210.122.700	81.846.624.470
Tổng	109.230.487.753	14.210.122.700	123.440.610.453
01/01/2012			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	48.300.295.355	15.500.000.000	63.800.295.355
Chi phí phải trả	3.480.308.727	-	3.480.308.727
Các khoản vay	82.813.115.211	19.548.000.000	102.361.115.211
Tổng	134.593.719.293	35.048.000.000	169.641.719.293

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền và tương đương tiền	22.154.756.734	-	22.154.756.734
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	27.049.200.000	846.850.000	27.896.050.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.980.689.295	-	21.980.689.295
Tài sản tài chính khác	1.230.528.483	-	1.230.528.483
Tổng	72.415.174.512	846.850.000	73.262.024.512
01/01/2012			
Tiền và tương đương tiền	30.994.295.685	-	30.994.295.685
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	26.549.200.000	846.850.000	27.396.050.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.725.950.542	-	29.725.950.542
Tài sản tài chính khác	1.804.048.025	-	1.804.048.025
Tổng	89.073.494.252	846.850.000	89.920.344.252

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Dũng

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Giám đốc



Lê Thanh Tùng

